

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum
(Ban hành kèm theo Quyết định số...../2020/QĐ-UBND ngày... tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum.
2. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, làng (*gọi chung là thôn*) được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn.
2. Tổ dân phố, khối (*gọi chung là tổ dân phố*) được tổ chức ở phường, thị trấn; dưới phường, thị trấn là tổ dân phố.
3. Thôn, tổ dân phố không phải là một cấp hành chính mà là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (*xã, phường, thị trấn sau đây gọi chung là cấp xã*); nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 3, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố*).

Chương II TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 4, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số*

14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố).

Điều 5. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố và hội nghị của thôn, tổ dân phố

1. Nội dung hoạt động của thôn, tổ dân phố: Thực hiện theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố*).

2. Hội nghị của thôn, tổ dân phố: Thực hiện theo quy định tại Điều 6, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 6. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới (gồm cả chia tách để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới) và điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

1. Điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới: Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố*).

2. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố:

Thực hiện theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (*được bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố*).

Điều 7. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới (gồm cả chia tách, sáp nhập để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới)

1. Căn cứ nguyên tắc quy định tại Điều 3 và điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tại Điều 6 Quy chế này, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới. Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

a) Sự cần thiết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới;

b) Tên gọi của thôn mới, tổ dân phố mới;

c) Dân số (*số hộ gia đình, số nhân khẩu*) của thôn mới, tổ dân phố mới;

d) Các điều kiện khác: Thôn và tổ dân phố phải có cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để phục vụ hoạt động cộng đồng và ổn định cuộc sống của người dân. Đồng thời, xác định ranh giới địa lý hành chính thôn làm cơ sở giải quyết các chính sách cho người dân.

đ) Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới về Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án thành lập thôn mới, tổ dân phố mới được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, tổ dân phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có Tờ trình (kèm theo hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện (*kèm theo Tờ trình và hồ sơ thành lập thôn mới, tổ dân phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã trình Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này*);

b) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

6. Căn cứ vào hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.

Điều 8. Quy trình, hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

Trường hợp thôn, tổ dân phố không đạt quy mô về số hộ gia đình theo quy định hoặc trường hợp cộng đồng dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập thôn mới, tổ dân phố mới thì thực hiện ghép cụm dân cư theo quy định tại các điểm a, c, đ khoản 1 và khoản 2, 3, 4, 5, Điều 9, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố và chuyển thôn thành tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 8, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (được bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố).

Chương III

TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố).

Điều 11. Tiêu chuẩn Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 12. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố tại hội nghị thôn, tổ dân phố

Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 hướng dẫn ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Điều 13. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thành cuộc bầu cử riêng và quy trình giới thiệu Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

a) Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

b) Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị Ban công tác Mặt trận để dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo với Chi ủy Chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất danh sách người ra ứng cử (từ 01 đến 02 người);

c) Chậm nhất 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập Tổ bầu cử từ 05 đến 07 người (*gồm Tổ trưởng là Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố; Tổ phó, thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện cử tri thôn, tổ dân phố*); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử; quyết định thành phần cử tri (*là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình*) tham gia bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Các văn bản này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, tổ dân phố qua Đài truyền thanh (*nếu có*) và niêm yết tại nơi tổ chức bầu cử chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử;

d) Chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử, Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri về những người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố như sau:

Đại diện Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách những người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố do Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố đề cử được Chi bộ thôn, tổ dân phố thống nhất theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều này.

Tại hội nghị, cử tri có thể tự ứng cử hoặc giới thiệu người ứng cử. Hội nghị thảo luận, cho ý kiến về những người ứng cử. Trên cơ sở các ý kiến của cử tri, Ban công tác Mặt trận ấn định danh sách những người ứng cử để hội nghị biểu quyết. Việc biểu quyết số lượng, danh sách những người ứng cử được thực hiện bằng hình thức giơ tay và có giá trị khi có trên 50% số cử tri tham dự hội nghị tán thành. Trường hợp có từ 03 (*ba*) người trở lên đạt trên 50% số cử tri tán thành, thì lấy người có tỷ lệ biểu quyết cao nhất và người có tỷ lệ biểu quyết cao thứ hai để lập danh sách 02 (*hai*) người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đưa vào bầu. Trường hợp có hai người tỷ lệ biểu quyết bằng nhau thì ưu tiên lấy người có tuổi đời cao hơn.

đ) Chậm nhất 05 ngày trước ngày bầu cử, Ban công tác Mặt trận gửi biên bản, danh sách những người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đến Tổ bầu cử;

e) Chậm nhất 03 ngày trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử thông báo danh sách những người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đến nhân dân trong thôn, tổ dân phố qua Đài truyền thanh (*nếu có*) và niêm yết tại nơi tổ chức bầu cử (*Họ và tên người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong danh sách được xếp theo vần chữ cái A, B, C,...*);

g) Chậm nhất 01 ngày trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử phải hoàn thành tất cả các tài liệu, phương tiện phục vụ ngày bầu cử như: Hòm phiếu, phiếu bầu cử, trang trí phòng bỏ phiếu... (*Họ và tên người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong danh sách được xếp theo vần chữ cái A, B, C,...*);

h) Ngày bầu cử toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ đi bỏ phiếu: Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ 07 giờ sáng và kết thúc vào 12 giờ trưa cùng ngày;

i) Tổ bầu cử tiến hành kiểm phiếu tại phòng bỏ phiếu ngay sau khi kết thúc

cuộc bỏ phiếu. Trước khi mở hòm phiếu, Tổ bầu cử tiến hành thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bầu không sử dụng đến và mời đại diện cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó chứng kiến việc kiểm phiếu;

Kết thúc kiểm phiếu, Tổ bầu cử lập biên bản kiểm phiếu. Biên bản kiểm phiếu phải ghi rõ: Tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình của thôn, tổ dân phố; số cử tri tham gia bỏ phiếu; số phiếu phát ra; số phiếu thu vào; số phiếu hợp lệ; số phiếu không hợp lệ; số phiếu và tỷ lệ bầu cho mỗi người ứng cử so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình toàn thôn, tổ dân phố.

Người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố. Trường hợp những người ứng cử có số phiếu bầu hợp lệ bằng nhau thì tiến hành bầu cử lại theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Biên bản kiểm phiếu lập thành 03 bản, có chữ ký của các thành viên Tổ bầu cử và cử tri chứng kiến việc kiểm phiếu;

k) Tổ trưởng Tổ bầu cử lập báo cáo kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, kèm theo Biên bản kiểm phiếu gửi ngay đến Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

2. Trường hợp kết quả bầu cử không có người nào đạt trên 50% số phiếu bầu hợp lệ so với tổng số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong toàn thôn, tổ dân phố thì tiến hành bầu cử lại. Ngày bầu cử lại do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, nhưng chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày tổ chức bầu cử lần đầu. Trong cuộc bầu cử lại vẫn giữ nguyên Tổ bầu cử, thành phần cử tri và danh sách những người ứng cử như cuộc bầu cử lần thứ nhất.

Nếu tổ chức bầu lần thứ hai mà vẫn không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời (trong số những người đã tham gia ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố) để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải tiếp tục tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp tổ chức bầu mà không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Chi bộ thôn, tổ dân phố và Trưởng ban công tác Mặt trận của thôn, tổ dân phố quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến hết nhiệm kỳ.

3. Quy trình giới thiệu Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

a) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố căn cứ tiêu chuẩn quy định tại Điều 11 Quy chế này và khoản 2 Điều 1, Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03

tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố, thống nhất với Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố lựa chọn người đảm bảo tiêu chuẩn giữ chức danh Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố, báo cáo Chi bộ thôn, tổ dân phố và Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Điều 14. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố và thời điểm bầu cử, công nhận kết quả bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố.

Trưởng thôn và Tổ trưởng tổ dân phố có nhiệm kỳ là 2,5 năm (*hai năm rưỡi*). Trường hợp do thành lập thôn mới, tổ dân phố mới hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong thời hạn không quá sáu tháng kể từ ngày có quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

Nhiệm kỳ của Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

2. Thời điểm tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Tổ chức bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố cùng một thời điểm, ngay sau khi đại hội Chi bộ thôn, tổ dân phố.

3. Công nhận kết quả bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Tổ trưởng tổ bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bầu cử lại; trường hợp không ra quyết định công nhận hoặc quyết định bầu cử lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 15. Mối quan hệ công tác của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chịu sự lãnh đạo của Chi bộ thôn, tổ dân phố và sự quản lý, chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phối hợp chặt chẽ với Ban Công tác Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các hội và các tổ chức khác trong thôn để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh chính trị, trật

tự an toàn xã hội, chăm lo đoàn kết trong cộng đồng dân cư.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn và các thôn, tổ dân phố lân cận thực hiện tốt công tác quản lý hành chính ở thôn, tổ dân phố.

Điều 16. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; được hưởng phụ cấp hàng tháng theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Quy định chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum (Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND).

2. Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố là người tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố; được hưởng mức chi bồi dưỡng theo quy định tại Điều 5, Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó Trưởng thôn, Phó Tổ trưởng tổ dân phố được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nội vụ: Hướng dẫn triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan, đơn vị liên quan: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ trong việc chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

3. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này ở cấp xã trong phạm vi huyện, thành phố và tổng hợp báo cáo về Sở Nội vụ theo quy định.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn bảo đảm theo quy định của pháp luật và tổ chức thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình triển khai, nếu có vấn đề vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp./.